

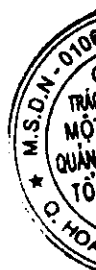
**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



SÁO Y BẢN CHÍNH



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

Công ty TNHH Một thành viên Quân lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quân lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là ("Công ty" hoặc "VAMC") là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quân lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.248.000.000.000 VND (bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Ngày 31/3/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 27/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, tăng vốn điều lệ của VAMC và Quyết định số 2711/QĐ-NHNN ngày 30/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung vốn điều lệ cho VAMC lên 5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng). Vốn điều lệ đã được cấp bổ sung đến ngày 31/12/2019 là 4.248.000.000.000 VND (Bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- ▶ Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- ▶ Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- ▶ Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- ▶ Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- ▶ Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;
- ▶ Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của VAMC sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Công ty được ủy quyền cho các tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động sau:

- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2016 Hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2017
Ông Đoàn Văn Thắng	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017 Hiệu lực ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Châu	Thành viên	Bổ nhiệm và Hiệu lực ngày 23 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Toán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2019 Hiệu lực ngày 15 tháng 9 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016 Hiệu lực ngày 1 tháng 12 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019 Hiệu lực ngày 1 tháng 7 năm 2019

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2017 Hiệu lực ngày 1 tháng 4 năm 2017
Ông Đặng Đình Thích	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm và Hiệu lực ngày 23 tháng 7 năm 2018
Ông Đỗ Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm và Hiệu lực ngày 23 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Đông chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ông Đoàn Văn Thắng được Hội đồng thành viên giao ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị quyết số 101/NQ-HĐTV ngày 12 tháng 10 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty. ✓

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

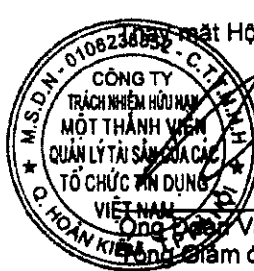
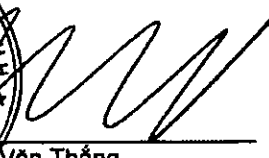
Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo, báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đã ký và đóng dấu của Hội đồng Thành viên



Ông Đoàn Văn Thắng
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

Số tham chiếu: 61226346/21187528

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên
Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 10 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 24, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

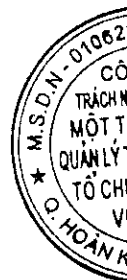
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



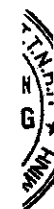
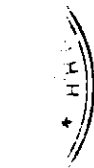
Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2020-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2016-004-1



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02/VAMC

Đơn vị: VND

STT	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018 (trình bày lại)
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, tiền gửi các TCTD	4	12.163.058.260.516	14.349.941.970.574
1	Tiền mặt		223.977.216	70.655.412
2	Tiền gửi không kỳ hạn		1.811.672.181.646	5.976.893.999
3	Tiền gửi có kỳ hạn		2.000.000.000	774.000.000.000
4	Tiền thu hồi nợ đang bị phong tỏa (Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ chưa chuyển trả cho TCTD do chưa thanh toán TPĐB)		10.349.162.101.654	13.569.894.421.163
II	Nợ mua	5	114.465.423.804.632	145.854.653.942.741
1	Nợ mua bằng TPĐB		110.924.613.816.171	143.451.127.835.056
2	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB		3.599.515.311.358	2.445.971.209.287
3	Dự phòng rủi ro đối với khoản nợ mua	6	(58.705.322.897)	(42.445.101.602)
III	Tài sản cố định	7	2.849.354.586	3.895.868.596
1	Tài sản cố định hữu hình		2.628.290.480	3.895.868.596
a	Nguyên giá TSCĐ		8.561.075.132	8.407.977.132
b	Hao mòn TSCĐ		(5.932.784.652)	(4.512.108.536)
2	Tài sản cố định vô hình		221.064.106	-
a	Nguyên giá TSCĐ		244.570.000	-
b	Hao mòn TSCĐ		(23.505.894)	-
IV	Tài sản Có khác	8	356.770.820.461	141.035.249.278
1	Các khoản phải thu từ hoạt động mua bán nợ		355.581.325.833	135.972.529.115
2	Các khoản lãi phải thu		-	3.510.000.000
3	Tài sản Có khác		1.189.494.628	1.552.720.163
	Tổng tài sản		126.988.102.240.195	160.349.527.031.189

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02/VAMC

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018 (trình bày lại)
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Phải trả từ hoạt động mua bán nợ	9	10.349.162.101.654	13.569.894.421.163
II	Trái phiếu đặc biệt phát hành		110.924.613.816.171	143.451.127.835.056
1	Mệnh giá TPĐB phát hành	10	120.721.115.453.620	156.527.156.935.440
2	Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi được	5	(9.796.501.637.449)	(13.076.029.100.384)
III	Các khoản phải trả và công nợ khác		1.412.374.552.304	1.250.155.245.288
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	73.050.962.597	705.776.633
2	Phải trả người lao động	9	23.092.601.932	13.825.017.087
3	Các khoản công nợ khác	9	1.316.230.987.775	1.235.624.451.568
	Tổng nợ phải trả		122.686.150.470.129	158.271.177.501.507
IV	Vốn và các quỹ	11	4.301.951.770.066	2.078.349.529.682
1	Vốn của VAMC		4.248.000.000.000	2.000.000.000.000
a	Vốn điều lệ		4.248.000.000.000	2.000.000.000.000
2	Quỹ của VAMC		53.951.770.066	2.942.136.573
3	Lợi nhuận chưa phân phối		-	75.407.393.109
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		126.988.102.240.195	160.349.527.031.189

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02/VAMC

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2019	31/12/2018
1	Tài sản thuê ngoài, nhận giữ hộ, bảo đảm	219.883.671.918.254	321.939.437.619.538
2	Nợ mua	260.557.748.971.081	348.354.619.228.667
a	Nợ mua bằng TPĐB	253.899.411.660.404	343.417.035.870.497
-	Nợ gốc của khoản nợ mua	117.268.260.365.377	169.536.243.316.014
-	Nợ lãi của khoản nợ mua	136.631.151.295.027	173.880.792.554.483
b	Nợ mua bằng nguồn vốn không phải TPĐB	6.658.337.310.677	4.937.583.358.170
-	Nợ gốc của khoản nợ mua	3.708.252.437.515	2.611.740.491.341
-	Nợ lãi của khoản nợ mua	2.950.084.873.162	2.325.842.866.829

Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Kế toán trưởng:

Ông Lê Văn Hùng



Tổng Giám đốc:

Ông Đoàn Văn Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB	12	42.650.264.852	52.883.493.033
2	Chi phí hoạt động mua nợ bằng TPĐB		(100.110.000)	(328.824.000)
I	Lãi thuần từ hoạt động mua nợ bằng TPĐB		42.550.154.852	52.554.669.033
3	Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường	13	1.205.874.761.159	993.320.944.606
4	Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi	16	(1.094.199.190.405)	(942.825.606.894)
II	Lãi thuần từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường		111.675.570.754	50.495.337.712
5	Doanh thu hoạt động tài chính	14	30.191.457.225	63.596.749.263
6	Chi phí tài chính		(550.000)	(215.890)
III	Lãi thuần từ hoạt động tài chính		30.190.907.225	63.596.533.373
7	Thu nhập khác	15	649.313.910	54.800.000
8	Chi phí khác		(188)	-
IV	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		649.313.722	54.800.000
V	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(109.958.809.163)	(107.511.172.518)
VI	Lợi nhuận		75.107.137.390	59.190.167.600

Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Kế toán trưởng:

Ông Lê Văn Hùng

Giám đốc:



Ông Đoàn Văn Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018 (trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		75.107.137.390	59.190.167.600
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao TSCĐ		1.444.182.010	1.035.969.117
03	Các khoản dự phòng rủi ro trích lập trong năm		16.260.221.294	33.739.951.602
04	Lãi và phí phải thu trong năm thực tế chưa thu		-	(3.510.000.000)
05	Các điều chỉnh khác		(93.433.169.808)	(35.178.960.764)
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(621.629.114)	55.277.127.555
06	Tăng khoản nợ mua không bao gồm khoản nợ mua bằng TPĐB		(1.153.544.102.070)	(1.913.830.997.339)
07	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(219.723.777.033)	2.650.436.398.847
08	Tăng khác về tài sản		478.205.850	(543.769.676)
09	(Giảm)/tăng các khoản phải trả bao gồm cả phát hành trái phiếu không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp, TPĐB phát hành		(3.397.252.699.247)	4.133.967.284
10	Tăng/(giảm) công nợ, các khoản phải trả khác		336.177.959.556	(4.433.276.692.507)
	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(4.434.486.042.058)	(3.637.803.965.836)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(397.668.000)	(2.643.699.400)
11	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(397.668.000)	(2.643.699.400)

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04/VAMC

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	31/12/2018 (trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2.248.000.000.000	-
12	Tiền thu từ nhận vốn từ chủ sở hữu		2.248.000.000.000	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.186.883.710.058)	(3.640.447.665.236)
	Tiền mặt tại quý, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển đầu năm	4	14.349.941.970.574	17.990.389.635.810
	Tiền mặt tại quý, tiền gửi tại các TCTD, tiền đang chuyển cuối năm	4	12.163.058.260.516	14.349.941.970.574

Người lập:

Kế toán trưởng:

Giám đốc:



Ông Trần Ngọc Thạch

Ông Lê Văn Hùng

Ông Đoàn Văn Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B05/VAMC

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ được thành lập theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và Quyết định thành lập số 1459/QĐ-NHNN ngày 27/6/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam. Mã số doanh nghiệp: 0106238852 do Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 4.248.000.000.000 VND (bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Ngày 31/3/2015 Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 27/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, tăng vốn điều lệ của VAMC và Quyết định số 2711/QĐ-NHNN ngày 30/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung vốn điều lệ cho VAMC lên 5.000.000.000.000 VND (Năm nghìn tỷ đồng). Vốn điều lệ đã được cấp bổ sung đến ngày 31/12/2019 là 4.248.000.000.000 VND (Bốn nghìn hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính được đăng ký theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- ▶ Mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng;
- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay;
- ▶ Tư vấn, môi giới mua, bán nợ và tài sản;
- ▶ Đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần;
- ▶ Tổ chức bán đấu giá tài sản;
- ▶ Bảo lãnh cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân vay vốn của tổ chức tín dụng;
- ▶ Hoạt động khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của VAMC sau khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Công ty được ủy quyền cho các tổ chức tín dụng bán nợ thực hiện các hoạt động sau:

- ▶ Thu hồi nợ, đòi nợ và xử lý, bán nợ, tài sản bảo đảm;
- ▶ Cơ cấu lại khoản nợ, điều chỉnh điều kiện trả nợ, chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay;
- ▶ Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, khai thác, sử dụng, cho thuê tài sản bảo đảm đã được Công ty Quản lý tài sản thu nợ;
- ▶ Quản lý khoản nợ xấu đã mua và kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm có liên quan đến khoản nợ xấu, bao gồm cả tài liệu, hồ sơ liên quan đến khoản nợ xấu và bảo đảm tiền vay.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 174 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 153 người).

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/VAMC

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Thông tư 42") quy định về chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là sổ Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

3.4 Mua nợ bằng nguồn trái phiếu đặc biệt

Nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt là các khoản nợ do các TCTD bán cho Công ty theo giá mua là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể các TCTD đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ đó và được thanh toán bằng nguồn trái phiếu đặc biệt do Công ty phát hành cho các TCTD. Theo thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN, các khoản nợ bán cho Công ty phải là nợ xấu và có tài sản đảm bảo.

Cuối mỗi quý, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt và đảm bảo khớp đúng số liệu, bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau: số tiền thu hồi nợ mua, số nợ vay đã chuyển thành vốn góp, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp, số dư nợ gốc, nợ lãi còn phải thu hồi, tài sản bảo đảm, số nợ thu hồi đã trả nợ vay tái cấp vốn của TCTD bán nợ, phí VAMC được hưởng, phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ (nếu có).

Khi thanh toán trái phiếu đặc biệt, VAMC và TCTD bán nợ phải thực hiện đối chiếu, xác nhận toàn bộ số liệu công nợ có liên quan đến khoản nợ xấu đã mua, bán (bao gồm cả phí VAMC được hưởng) đảm bảo chính xác, khớp đúng và quyết toán các khoản phải thu, phải trả giữa VAMC và TCTD bán nợ. *✓*

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Mua nợ bằng nguồn vốn không phải bằng trái phiếu đặc biệt*

Hoạt động mua, bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo Thông tư số 42/2014/TT-NHNN ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về chế độ kế toán đối với Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("Thông tư 42"). Theo đó, việc mua, bán nợ được thực hiện được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký kết phù hợp với các quy định của pháp luật về mua bán nợ. Giá của khoản nợ đã mua được phản ánh vào tài khoản này là giá vốn của khoản nợ mua, bao gồm giá mua khoản nợ và chi phí giao dịch ban đầu liên quan trực tiếp đến khoản nợ mua.

Định kỳ, Công ty tiến hành phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt theo quy định tại Điều 47, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý Tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam.

Dự phòng đối với từng khoản nợ xấu được mua theo giá thị trường (R) được Công ty trích lập theo số dư của các khoản nợ này tại ngày 15 tháng 12 hàng năm theo công thức sau:

$$R = (A - C) \times r$$

Trong đó:

- a) A là giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu tại Công ty Quản lý tài sản tại thời điểm ngày 15 tháng 12 hằng năm; C là giá trị khấu trừ tài sản bảo đảm của khoản nợ; r là tỷ lệ trích lập dự phòng do Hội đồng thành viên quyết định nhưng không thấp hơn 5%;
- b) Trường hợp $C > A$ thì R được tính bằng 0;
- c) Trường hợp một tài sản được bảo đảm cho nhiều khoản nợ xấu, Công ty Quản lý tài sản xác định tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm cho từng khoản nợ xấu C được tính là giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm nhân với tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó.

Khi khoản nợ được mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt được bán lại, doanh thu và giá vốn tương ứng được ghi nhận vào các khoản mục "Doanh thu từ hoạt động mua nợ theo giá thị trường" và "Giá vốn của khoản nợ đã được thu hồi" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dự phòng đối với các khoản nợ xấu được mua theo giá thị trường đang được Công ty trích lập dự phòng theo tỷ lệ 5%, theo Nghị Quyết số 171/NQ-HĐTV ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng thành viên.

3.6 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng TPĐB được ghi nhận theo Quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013, Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam. Theo đó Công ty được ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ do Ngân hàng Nhà nước quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính cho từng năm tài chính, tính trên số tiền đã thu hồi được của khoản nợ xấu và số dư nợ TPĐB cuối kỳ được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt.

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB

Doanh thu từ hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 42. Theo đó, doanh thu được ghi nhận bằng giá bán nợ được quy định trên hợp đồng bán nợ khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu khoản nợ đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao khoản nợ.

Doanh thu tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. *h*

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

4. TIỀN MẶT, TIỀN GỬI CÁC TCTD

Đơn vị: VND

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền mặt	223.977.216	70.655.412
Tiền gửi không kỳ hạn	1.811.672.181.646	5.976.893.999
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	774.000.000.000
Tiền thu hồi nợ đang bị phong tỏa (**)	10.349.162.101.654	13.569.894.421.163
TỔNG CỘNG	12.163.058.260.516	14.349.941.970.574

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và được hưởng lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

(**) Số tiền thu hồi, xử lý các khoản nợ chưa chuyển trả cho TCTD do chưa tất toán TPĐB.

5. NỢ MUA

5.1. Nợ mua bằng TPĐB

Đơn vị: VND

	31/12/2019	31/12/2018
Nợ mua bằng TPĐB	110.924.613.816.171	143.451.127.835.056
Nợ mua bằng TPĐB đã thu hồi	9.796.501.637.449	13.076.029.100.384
TỔNG CỘNG	120.721.115.453.620	156.527.156.935.440

5.2. Nợ mua bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB

Đơn vị: VND

	31/12/2019	31/12/2018
Nợ mua bằng nguồn vốn không phải bằng TPĐB	3.599.515.311.358	2.445.971.209.287
Dự phòng rủi ro	(58.705.322.897)	(42.445.101.602)
TỔNG CỘNG	3.540.809.988.461	2.403.526.107.685

6. DỰ PHÒNG RỦI RO HOẠT ĐỘNG MUA NỢ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Đơn vị: VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Kỳ này		
Số dư đầu kỳ	-	42.445.101.602
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	16.260.221.295
Số dư cuối kỳ	-	58.705.322.897
Kỳ trước		
Số dư đầu kỳ	-	8.705.150.000
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	33.739.951.602
Số dư cuối kỳ	-	42.445.101.602

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm 2019 như sau:

Đơn vị: VND

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	841.384.278	7.019.060.854	547.532.000	8.407.977.132
Mua trong năm	59.180.000	-	93.918.000	153.098.000
Số cuối năm	900.564.278	7.019.060.854	641.450.000	8.561.075.132
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	728.494.817	3.599.284.030	184.329.688	4.512.108.536
Khấu hao trong năm	79.373.544	1.169.757.429	171.545.144	1.420.676.116
Số cuối năm	807.868.361	4.769.041.459	355.874.832	5.932.784.652
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	112.889.461	3.419.776.824	363.202.312	3.895.868.596
Số cuối năm	92.695.917	2.250.019.395	285.575.168	2.628.290.480

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm 2019 như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	244.570.000	-	244.570.000
Số cuối năm	-	244.570.000	-	244.570.000
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	23.505.894	-	23.505.894
Số cuối năm	-	23.505.894	-	23.505.894
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	-	-
Số cuối năm	-	221.064.106	-	221.064.106

1802

G TỶ
ỆM HỮU
& YOI
NAN
HỒC

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

8. TÀI SẢN CÓ KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2019	31/12/2018
Phải thu từ hoạt động mua bán nợ (*)	355.581.325.833	135.972.529.115
Tạm ứng	473.121.711	320.400.150
Phải thu khác	640.809.091	678.550.337
Lãi phải thu từ hoạt động tài chính	-	3.510.000.000
Chi phí chờ phân bổ	65.563.826	543.769.676
Tài sản khác	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	356.770.820.461	141.035.249.278

(*) Chi tiết các khoản phải thu về hoạt động mua bán nợ

	31/12/2019	31/12/2018
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐB	39.364.903.415	135.972.529.115
Phải thu về mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	316.216.422.418	-
TỔNG CỘNG	355.581.325.833	135.972.529.115

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2019	31/12/2018
Phải trả về hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn TPĐB	10.349.162.101.654	13.569.894.421.163
Phải trả về hoạt động mua bán nợ bằng nguồn vốn không phải TPĐB	882.301.702.367	1.138.652.594.000
Phải trả người lao động (*)	23.092.601.932	13.825.017.087
Nhận ký quỹ, ký cược	414.501.323.288	90.000.000.000
Các khoản phải trả khác	20.364.786.223	7.677.634.201
TỔNG CỘNG	11.689.422.515.464	14.820.049.666.451

(*) Ngày 10 tháng 9 năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã gửi Công văn số 6600/NHNN-TCKT tới VAMC về việc thực hiện kiến nghị của KTN tại Báo cáo kiểm toán năm 2020. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước đã thẩm định xếp loại A năm 2019 đối với VAMC và có Công văn số 6201/NHNN-TCKT ngày 28 tháng 8 năm 2020 gửi Bộ Tài chính đề nghị có ý kiến đối với xếp loại doanh nghiệp theo quy định. Do Ngân hàng Nhà nước chưa nhận được ý kiến của Bộ Tài chính nên VAMC tạm phân phối lợi nhuận vào các quỹ căn cứ theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013, Nghị quyết số 41/NQ-HĐTV ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 50/NQ-HĐTV ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Thành Viên theo tỷ lệ như sau:

- ▶ Trích 30% lợi nhuận vào quỹ đầu tư phát triển;
- ▶ Trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- ▶ Trích 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp.

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

10. TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT PHÁT HÀNH

	Đơn vị: VND	
	31/12/2019	31/12/2018
TPĐB có thời hạn phát hành 5 năm	64.357.091.648.484	74.800.169.858.725
TPĐB có thời hạn phát hành khác	56.364.023.805.136	81.726.987.076.715
TỔNG CỘNG	120.721.115.453.620	156.527.156.935.440

11. VỐN VÀ CÁC QUỸ CỦA VAMC

	Đơn vị: VND			
	Vốn góp/Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch thu-chi	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.000.000.000.000	2.942.136.573	75.407.393.109	2.078.349.629.682
Tăng trong năm	2.248.000.000.000	-	-	2.248.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	75.107.137.390	75.107.137.390
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	-	(18.143.340.000)	(18.143.340.000)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	51.009.633.493	(51.009.633.493)	-
Các khoản phải nộp NSNN	-	-	(71.871.957.147)	(71.871.957.147)
Tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý	-	-	(7.611.207.250)	(7.611.207.250)
Các khoản giảm khác	-	-	(1.878.392.609)	(1.878.392.609)
Số dư cuối năm	4.248.000.000.000	53.951.770.066	-	4.301.951.770.066

K



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

12. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG TPĐB

Đơn vị: VND

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu tính trên dư nợ gốc cuối kỳ	13.532.802.887	17.501.143.262
Doanh thu tính trên số tiền thu hồi nợ xấu	29.117.461.965	35.382.349.771
TỔNG CỘNG	42.650.264.852	52.883.493.033

Theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng nhà nước ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013, Thông tư số 01/2017/TT-BTC ngày 05/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản được hưởng một tỷ lệ trên số tiền thu hồi nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước sau khi thống nhất với Bộ Tài chính. Công ty thực hiện dự thu và ghi nhận doanh thu cho năm tài chính 2019 với tỷ lệ là 0,1151% tính trên số tiền thu hồi khoản nợ xấu và 0,0122% tính trên số dư nợ gốc cuối kỳ của các khoản nợ xấu mua bằng TPĐB đang hạch toán nội bảng theo Công văn số 6514/NHNN-TCKT do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2019 thông báo về tỷ lệ các khoản thu năm 2019 của VAMC.

13. DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

Đơn vị: VND

	Năm 2019	Năm 2018
Thu từ hoạt động thu hồi nợ	467.296.061.841	43.791.596.661
Thu từ bán nợ, bán tài sản bảo đảm	655.141.243.610	884.684.000.000
Thu khác	83.437.455.708	64.845.347.945
TỔNG CỘNG	1.205.874.761.159	993.320.944.606

14. DOANH THU TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi	30.191.457.225	63.596.749.263
TỔNG CỘNG	30.191.457.225	63.596.749.263

15. DOANH THU KHÁC

Đơn vị: VND

	Năm 2019	Năm 2018
Thu khác	649.313.910	54.800.000
TỔNG CỘNG	649.313.910	54.800.000

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NỢ BẰNG NGUỒN VỐN KHÔNG PHẢI TPĐB

	Đơn vị: VND	
	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí bán nợ	1.094.199.190.405	942.825.606.894
TỔNG CỘNG	1.094.199.190.405	942.825.606.894

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: VND	
	Năm 2019	Năm 2018
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	171.262.368	131.215.943
Chi phí cho nhân viên	65.317.971.273	52.947.976.037
Trong đó		
– Chi lương và phụ cấp (*)	59.199.258.000	48.205.200.000
– Các khoản chi đóng góp theo lương	3.792.462.397	3.234.544.558
– Chi trợ cấp	1.359.838.726	1.188.317.580
– Chi công tác xã hội	966.412.150	319.913.899
Chi về tài sản	4.005.781.922	3.492.763.747
– Trong đó khấu hao tài sản cố định	1.444.182.010	1.059.456.561
Chi phí khác	40.463.793.600	50.939.216.791
TỔNG CỘNG	109.958.809.163	107.511.172.518

(*) Công ty ghi nhận chi phí lương và phụ cấp theo Công văn số 5331/NHNN-TCCB ngày 24 tháng 07 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước về việc xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2019, theo đó:

Quỹ tiền lương, thù lao năm 2019 của người quản lý:

- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người quản lý của Công ty được xác định trên cơ sở số tháng làm việc thực tế của người quản lý là 93,5 tháng và mức tiền lương bình quân thực hiện (được tính căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Thông tư số 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 1/9/2018 của Bộ Lao Động – Thương binh và Xã hội) là 53.468.000 đồng/người/tháng;
- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý năm 2019 là 4.999,26 triệu đồng.

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người lao động được xác định tối đa không quá 54.200 triệu đồng (tiền lương bình quân của người lao động là 28,41 triệu đồng/người/tháng).

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

18. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	2019	2018
I. Tổng số cán bộ, CNV	174	153
II. Thu nhập của cán bộ		
1. Tổng quỹ lương	59.199.258.000	48.205.200.000
2. Thu nhập khác	-	-
3. Tổng thu nhập (1+2)	59.199.258.000	48.205.200.000
4. Tiền lương bình quân	28.352.135	26.255.556
5. Thu nhập bình quân	28.352.135	26.255.556

19. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế TNCN	705.776.633	6.066.832.754	5.835.785.284	936.824.103
Lợi nhuận phải nộp NSNN sau khi trích lập các quỹ	-	72.114.138.494	-	72.114.138.494
	705.776.633	78.180.971.248	5.835.785.284	73.050.962.597

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong năm, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại số liệu so sánh để phản ánh chênh lệch giữa chi phí lương ngoài giờ đã hạch toán năm 2014 và số liệu chi phí lương được Ngân hàng Nhà nước duyệt theo Công văn số 8744/NHNN-TCCB ngày 16 tháng 11 năm 2015. Theo đó, một số chỉ tiêu của số liệu so sánh đã được thay đổi, chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán

	31/12/2018 (đã trình bày) đồng	Điều chỉnh đồng	31/12/2018 (trình bày lại) đồng
Phải trả người lao động	(15.425.587.385)	1.600.570.298	(13.825.017.087)
Lợi nhuận chưa phân phối	(73.806.822.811)	(1.600.570.298)	(75.407.393.109)

Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/12/2018 (đã trình bày) đồng	Điều chỉnh đồng	31/12/2018 (trình bày lại) đồng
Các điều chỉnh khác	(36.779.531.062)	1.600.570.298	(35.178.960.764)
Các khoản phải trả bao gồm cả phát hành trái phiếu không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp, TPĐB phát hành	5.734.537.582	(1.600.570.298)	4.133.967.284

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Tài sản
của các Tổ chức tín dụng Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-VAMC

21. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐTV ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 50/NQ-HĐTV ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Thành Viên, VAMC đã nộp 72.588.668.541 đồng phần lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ cho giai đoạn 2013 – 2019 vào Ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, cũng theo Nghị quyết trên, VAMC đã thực hiện trích quỹ Đầu tư phát triển cho giai đoạn 2015 – 2019 với số tiền là 51.944.380.863 đồng.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:

Ông Trần Ngọc Thạch

Kế toán trưởng:

Ông Lê Văn Hùng



Người kiểm soát:

Ông Lê Văn Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2020